

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 22 tháng 01, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SAS	21/01/2026	39.7	832.000	39.917	20.84
2	PLC	21/01/2026	35.9	3.907.200	430.937	09.07
3	RYG	21/01/2026	10.25	3.205.100	395.803	8.1
4	ICT	21/01/2026	18.3	532.200	89.100	5.97
5	VGS	21/01/2026	28.1	2.462.200	537.243	4.58
6	HCM	21/01/2026	23.75	72.145.888	16.240.203	4.44
7	FOX	21/01/2026	102.5	1.780.200	444.967	4
8	GMD	21/01/2026	70.5	5.088.300	1.342.627	3.79
9	IDC	21/01/2026	46.8	8.715.000	2.412.207	3.61
10	BWE	21/01/2026	46.5	700.600	195.867	3.58
11	CSV	21/01/2026	31.8	2.073.300	626.500	3.31
12	NTP	21/01/2026	63.9	1.495.500	459.303	3.26
13	TTN	21/01/2026	17.6	801.600	245.973	3.26
14	QTP	21/01/2026	13.7	833.300	314.953	2.65
15	OIL	21/01/2026	15.2	11.149.200	4.305.210	2.59
16	HHP	21/01/2026	12.9	2.491.700	999.950	2.49
17	PVP	21/01/2026	15.2	907.300	367.690	2.47
18	SZC	21/01/2026	31.2	1.580.800	650.963	2.43
19	VEA	21/01/2026	37.4	2.526.300	1.136.877	2.22
20	VHC	21/01/2026	62	2.003.000	914.057	2.19
21	YEG	21/01/2026	13.15	4.397.400	2.020.267	2.18
22	SIP	21/01/2026	56.1	835.400	386.573	2.16
23	DXP	21/01/2026	12.5	607.900	285.277	2.13
24	AGR	21/01/2026	16.15	2.863.200	1.366.793	02.09
25	ELC	21/01/2026	25.1	2.727.500	1.308.597	02.08
26	PNJ	21/01/2026	109.9	1.960.700	946.730	2.7
27	PHR	21/01/2026	62.6	1.533.500	742.737	02.06
28	LAS	21/01/2026	17.3	672.100	327.257	2.5
29	BSR	21/01/2026	22.2	39.641.300	19.517.376	02.03



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	21/01/2026	7.97	1.667.370	48.1	7.76	2.76
2	ACB	21/01/2026	24.85	17.428.500	54.72	23.69	4.88
3	ACV	21/01/2026	59.8	4.942.280	62.16	56.62	5.62
4	AGR	21/01/2026	16.15	2.340.840	44.59	16.1	0.32
5	BMI	21/01/2026	19.25	924.520	60.71	18.69	2.98
6	BVB	21/01/2026	13.9	4.166.410	56.78	13.6	2.23
7	DBC	21/01/2026	28.25	6.958.170	56.55	26.99	4.67
8	DCM	21/01/2026	35.5	3.872.670	62.06	34.42	3.12
9	DPG	21/01/2026	43	1.053.570	62.74	41.89	2.65
10	DRI	21/01/2026	12.1	2.294.160	38.78	12.8	0.18
11	FPT	21/01/2026	105	11.829.200	66.56	99.35	5.68
12	HAH	21/01/2026	59.8	2.369.030	53.74	55.92	6.94
13	HCM	21/01/2026	23.75	32.207.288	48.77	23.73	0.08
14	HNG	21/01/2026	6.5	8.713.930	54.73	6.14	5.82
15	HPG	21/01/2026	26.08	50.355.100	48.75	25.46	5.25
16	KHG	21/01/2026	6.87	18.985.680	42.17	6.69	2.66
17	LCG	21/01/2026	10.35	2.720.660	48.77	10.08	2.66
18	LPB	21/01/2026	42.95	2.053.810	50.27	40.41	6.29
19	MSB	21/01/2026	12.5	9.108.700	47.75	11.75	6.35
20	NAB	21/01/2026	14.65	1.656.710	52.52	14.38	1.88
21	NKG	21/01/2026	15.2	7.134.210	46.26	15.2	0.01
22	NTL	21/01/2026	17.35	1.823.430	42.71	17.14	1.24
23	NTP	21/01/2026	63.9	936.420	45.8	61.81	3.38
24	OCB	21/01/2026	11.95	3.542.860	45.38	11.67	2.41
25	PAN	21/01/2026	28.9	1.313.780	61.22	28.76	0.48
26	QTP	21/01/2026	13.7	609.330	70.12	13.1	4.59
27	TCB	21/01/2026	35.8	19.032.030	52.51	33.85	5.77
28	TIG	21/01/2026	8.6	879.310	56.55	8.1	6.18



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BSR	22.2	21.9	35.013.700
2	DCL	50	49.1	699320
3	FOX	102.5	100.9	1.053.320
4	PLC	35.9	32.7	1.065.120
5	STB	62.1	61.3	18423590

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	GMD	70.5	70.5	1.996.930
2	HPX	5.25	5	2.123.250
3	POM	6.9	6	2671870
4	VLC	16.1	16	326.230

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BTP	8.5	8.4	148.570
2	DSN	42.15	41.5	13.590
3	LAI	13.6	13.31	84.610
4	LDP	9.4	9.2	114.430
5	NHA	14.9	14.5	263.800
6	PDV	9.65	9.34	80.910
7	SED	19.2	19	19.760
8	SGT	15.25	15	36.140

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	APS	6.9	7	617.990
2	BTP	8.5	8.59	148.570
3	CCL	6	06.06	175.000
4	CII	17.9	18.35	21.681.030
5	CRC	8.5	8.55	590.640
6	CRE	8.2	8.12	334.270
7	DIG	15.55	16	15.338.080
8	DSN	42.15	42.2	13.590
9	DXG	15.2	15.45	17.611.710
10	DXS	7.74	7.89	2.926.400
11	EVG	7.12	7.4	948.600
12	HDG	25.9	26	3.083.950
13	HHS	11	11.2	2.635.560
14	HTN	7.88	8	278.020
15	ITC	13.45	13.5	117.570
16	LAI	13.6	14	84.610
17	LDP	09.04	9.6	114.430
18	NHA	14.9	15	263.800
19	NVB	13.2	13.3	369.680
20	OCH	5.6	5.9	43.240
21	PDV	9.65	9.69	80.910
22	SED	19.2	19.4	19.760
23	SGT	15.25	15.7	36.140
24	TCH	15.1	15.55	8.317.960
25	TCI	8.99	9.1	217.260
26	TVC	8.5	8.6	118.900
27	VEF	116	122.7	29.010
28	VPR	15.4	15.9	10.480



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới



Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	VGS	28.1	27.15	830.470
2	YEG	13.15	12.36	1.852.590

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	VGS	28.1	27.15	830.470
2	YEG	13.15	12.36	1.852.590

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.1	9.94	2.271.770
2	ACM	0.6	0.57	558.920
3	DGC	69	64.72	5073440
4	FIT	4.74	4.72	738.560
5	HID	6.27	5.84	1.264.820
6	PVD	29.75	28.84	9.975.460
7	QCG	14.45	14.44	1.058.530
8	YEG	13.15	12.39	1.852.590



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	ABB	14.3	14.34	8.124.990
2	AGR	16.15	16.67	2.340.840
3	ANV	26.2	26.25	1483250
4	CTS	32.6	33.3	1.477.510
5	HBC	6.3	6.39	1.552.740
6	HPG	26.8	26.81	50.355.100
7	IJC	10.7	10.9	4.316.310
8	KHG	6.87	6.98	18.985.680
9	MBS	26.03	26.69	7.648.970
10	NKG	15.2	15.24	7134210
11	SHB	16.45	16.48	79951656
12	SSB	17.4	17.53	2496820
13	TPB	17.2	17.33	17592950
14	VIB	17.8	17.97	10391730

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BSI	38.8	39.61	1.294.070
2	FTS	32.35	33.13	2.108.220
3	HAH	59.8	60.21	2369030
4	HPG	26.8	26.81	50.355.100
5	HSG	16.3	16.39	5.123.140
6	LCG	10.35	10.36	2.720.660
7	MSB	12.5	12.54	9.108.700
8	RYG	10.25	10.45	622.880
9	SHB	16.45	16.48	79951656
10	SSB	17.4	17.41	2496820
11	TCM	27.4	27.51	1899440
12	TTN	17.6	17.61	555830

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAH	3.5	3.55	757.450
2	ABB	14.3	14.34	8.124.990
3	AGR	16.15	16.67	2340840
4	ANV	26.2	26.25	1.483.250
5	BSI	38.8	39.43	1.294.070
7	HBC	6.3	6.39	1552740
8	HPG	26.8	26.81	50355100
9	IJC	10.7	10.09	4316310
10	KHG	6.87	6.98	18985680
11	MBS	26.3	26.69	7648970
12	NKG	15.2	15.24	7134210
13	NTP	63.9	65.36	936420
14	RYG	10.25	10.3	622880
15	SHB	16.45	16.48	79951656
16	SSB	17.4	17.53	2496820
17	TPB	17.2	17.33	17592950
18	VAB	10.5	10.51	666700
19	VDS	16.95	17.01	1412710
20	VIB	17.8	17.97	10391730



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	21/01/2026	14.1	13.95	14.35	2.87	71,660
2	ODE	21/01/2026	46.2	45.3	46.8	3.31	17,760
3	RAL	21/01/2026	94	90.5	95.4	5.41	13,340
4	SMB	21/01/2026	39.5	38.85	40.95	5.41	32,560
5	CLL	21/01/2026	30.65	30.1	31.9	5.98	16,740
6	HMC	21/01/2026	11.5	11.25	12	6.67	15,080
7	NET	21/01/2026	68	66.5	71	6.77	7,900
8	TCW	21/01/2026	31.8	30.9	33	6.8	8,720
9	USD	20/01/2026	17.9	17.3	18.5	6.94	6,300
10	CHP	21/01/2026	28.7	28	29.95	6.96	72,400
11	VSH	21/01/2026	44.3	41.91	45	7.37	5,980
12	VPD	21/01/2026	25.7	24.95	26.8	7.41	20,500
13	SCG	21/01/2026	65.2	62.1	66.8	7.57	23,740
14	SHP	21/01/2026	34	33	35.6	7.88	15,700
15	PPC	21/01/2026	10.3	9.6	10.4	8.33	423,400
16	PPH	21/01/2026	27.6	26.18	28.37	8.37	9,260
17	BMS	21/01/2026	13.4	12.4	13.5	8.87	142,300
18	TDC	21/01/2026	11.55	11.25	12.25	8.89	189,280
19	GDT	21/01/2026	19.85	18.75	20.42	8.91	10,520
20	DRL	21/01/2026	46	45.8	49.97	9.1	13,620
21	TCL	21/01/2026	35.3	33.3	36.35	9.16	54,320
22	APF	21/01/2026	41.4	38.1	41.7	9.45	7,640
23	HTG	21/01/2026	44.8	42	46	9.52	26,980
24	NAB	21/01/2026	14.65	13.95	15.3	9.68	1,294,180
25	SBA	21/01/2026	30.1	27.5	30.2	9.82	20,080
26	BSA	21/01/2026	23	21.03	23.1	9.84	8,640
27	NTC	21/01/2026	156.2	152.2	167.3	9.92	34,960



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009